SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 02/06/2026; 19:40:51; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32 /GPMT-SNNMT

An Giang, ngày 02 tháng 6 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định 1118/QĐ-SNNMT ngày 11/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án "Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn";

Xét đề nghị của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường An Giang tại Văn bản số 141/TTNSVSMTNT ngày 27/01/2026 về việc giải trình, chỉnh sửa và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư "Dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang tại Tờ trình số 114/TTr-CCBVMT ngày 18/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang, địa chỉ tại Số 516, đường Ngô Quyền, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn" tại các xã: Hòa Điền, Sơn Hải, Hòn Nghệ, Giang Thành, Tây Yên, An Minh, Vĩnh Phong, Gò Quao và đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.

1.2. Địa điểm hoạt động:

- Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương tại ấp Kênh 9, xã Hòa Điền, tỉnh An Giang.

- Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương tại ấp Hòn Heo, xã Sơn Hải, tỉnh An Giang.

- Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ tại tổ 04, ấp Bãi Nam, xã Hòn Nghệ, tỉnh An Giang.

- Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành tại ấp Trần Thệ, xã Giang Thành, tỉnh An Giang.

- Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải tại ấp 2, đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang.

- Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên tại Ấp Rẫy Mới, xã Tây Yên, tỉnh An Giang.

- Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh tại ấp 15, xã An Minh, tỉnh An Giang.

- Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang.

- Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao tại ấp Phước Thọ, xã Gò Quao, tỉnh An Giang.

1.3. Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi

trường; Quyết định số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn; Quyết định số 1970/QĐ-BNN-TL ngày 19/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần số 5: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.

1.4. Mã số thuế: 1702325579.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Loại hình chung của các trạm là khai thác, xử lý và phân phối nước sạch phục vụ cho người dân khu vực, không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Diện tích các công trình:

TT	Tên công trình	Diện tích (m^2)
1	Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương	50.000,0
2	Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương	1.341,3
3	Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ	400,0
4	Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành	36.340,2
5	Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải	1.319,0
6	Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên	1.296,0
7	Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh	2.174,7
8	Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận	2.639,0
9	Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao	2.214,0

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình hoạt động của Dự án xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất hoạt động:

TT	Tên công trình	Công suất
1	Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương	1.200 m^3/ngày đêm

2	Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương	480 m^3/ngày đêm
3	Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ	Bể chứa 1.500 m^3
4	Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành	1.200 m^3/ngày đêm
5	Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải	500 m^3/ngày đêm
6	Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên	2.400 m^3/ngày đêm
7	Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh	1.200 m^3/ngày đêm
8	Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận	1.200 m^3/ngày đêm
9	Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao	1.200 m^3/ngày đêm

+ Quy trình hoạt động:

TT	Tên công trình	Quy trình xử lý
1	Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương	Nước mặt kênh Kiên Tài → Công trình thu, bơm nước thô → Hồ chứa nước thô → Trạm bơm cấp 1 → Thiết bị hòa trộn tĩnh (Static Mixer) → Bể phản ứng - Bể lắng lamen → Bể lọc nhanh trọng lực → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp 2 - Nhà khử trùng → Mạng lưới phân phối nước
2	Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương	Nước giếng khoan → Tuyến ống nước thô → Công trình làm thoáng → Bể lắng lamen → Bể lọc nhanh trọng lực + Khử trùng → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm nước sạch → Mạng tiêu thụ
3	Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ	Quy trình thu nước về bể chứa: Nước mặt suối → Tuyến ống thu HDPE DN110 → Bể chứa dung tích 1.500m^3
4	Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành	Nước mặt kênh Nông Trường → Công trình thu, bơm nước thô → Hồ A → Hồ B → Trạm bơm cấp 1 → Thiết bị hòa trộn tĩnh (Static Mixer) → Bể phản ứng - Bể lắng lamen → Bể lọc nhanh trọng lực → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp 2 - Nhà khử trùng → Mạng lưới phân phối nước

5	Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải	Nước suối → Công trình thu, bơm nước thô → Thiết bị trộn (Static Mixer) → Bể phản ứng thủy lực + lắng lamen → Bể lọc nhanh → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm nước sạch → Mạng tiêu thụ
6	Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên	Nước giếng khoan → Tuyến ống nước thô → Công trình làm thoáng → Bể lắng lamen → Bể lọc nhanh trọng lực → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm nước sạch → Mạng tiêu thụ
7	Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh	
8	Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận	
9	Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao	

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải

dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã Hòa Điền, Sơn Hải, Hòn Nghệ, Giang Thành, Tây Yên, An Minh, Vĩnh Phong, Gò Quao, đặc khu Kiên Hải tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang (01 bản);
- UBND các xã: Hòa Điền, Sơn Hải, Hòn Nghệ, Giang Thành, Tây Yên, An Minh, Vĩnh Phong, Gò Quao;
- UBND đặc khu Kiên Hải;
- Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang;
- Cổng thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, ntkhuong (02 bản).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-SNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Đối với 04 CTCNTT xin cấp phép xả nước thải:

TT	Tên công trình (trạm)	Nội dung
1	Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên	- Nguồn phát sinh nước thải: + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ cán bộ trực trạm với lưu lượng 0,2 m^3/ngày đêm. + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa lọc, súc rửa bồn bể với lưu lượng 44 m^3/lần (tần suất rửa: 3 lần/tuần). - Dòng nước thải: 01 dòng. - Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Rọc Lá. - Vị trí xả nước thải: Ấp Rẫy Mới, xã Tây Yên, tỉnh An Giang. Tọa độ điểm xả nước thải (*theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0*): X = 1091201; Y = 562741. - Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 44,2 m^3/ngày đêm. - Phương thức xả nước thải: Tự chảy. - Chế độ xả nước thải: Không liên tục.
2	Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh	- Nguồn phát sinh nước thải: + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ cán bộ trực trạm với lưu lượng 0,2 m^3/ngày đêm. + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa lọc, súc rửa bồn bể với lưu lượng 18 m^3/lần (tần suất rửa: 3 lần/tuần). - Dòng nước thải: 01 dòng. - Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Hạt. - Vị trí xả nước thải: Ấp 15, xã An Minh, tỉnh An Giang. Tọa độ điểm xả nước thải (*theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0*): X = 1055640; Y = 557383. - Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 18,2 m^3/ngày đêm. - Phương thức xả nước thải: Tự chảy. - Chế độ xả nước thải: Không liên tục.

TT	Tên công trình (trạm)	Nội dung
3	Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận	- Nguồn phát sinh nước thải: + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ cán bộ trực trạm với lưu lượng 0,2 m^3/ngày đêm. + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa lọc, súc rửa bồn bể với lưu lượng 18 m^3/lần (tần suất rửa: 3 lần/tuần). - Dòng nước thải: 01 dòng. - Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Vĩnh Thuận. - Vị trí xả nước thải: Ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang. Tọa độ điểm xả nước thải (*theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0*): X = 1054280; Y = 585576. - Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 18,2 m^3/ngày đêm. - Phương thức xả nước thải: Tự chảy. - Chế độ xả nước thải: Không liên tục.
4	Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao	- Nguồn phát sinh nước thải: + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ cán bộ trực trạm với lưu lượng 0,2 m^3/ngày đêm. + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa lọc, súc rửa bồn bể với lưu lượng 18 m^3/lần (tần suất rửa: 3 lần/tuần). - Dòng nước thải: 01 dòng. - Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Chủ Moong. - Vị trí xả nước thải: Ấp Phước Thọ, xã Gò Quao, tỉnh An Giang. Tọa độ điểm xả nước thải (*theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0*): X = 1072437; Y = 588135. - Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 18,2 m^3/ngày đêm. - Phương thức xả nước thải: Tự chảy. - Chế độ xả nước thải: Không liên tục.

Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng*	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/L	≤ 80		
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 130		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 120		
5	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 10		
6	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 10		
7	Amoni (N-NH_4^+ tính theo N)	mg/L	≤ 12		
8	Tổng Phốt pho (T - P)	mg/L	≤ 10		
9	Clorua (Cl^-)	mg/L	≤ 1.000		
10	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤ 5.000		

(*): Khuyến khích Chủ Dự án thực hiện quan trắc nước thải định kỳ để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của mình.

- Các công trình (trạm): (1) Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương; (2) Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương; (3) Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ; (4) Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành; (5) Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải, không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải do nước thải phát sinh sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

1.1.1. Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 1,3m x 1,3m x 1m) → Ống DN300 → Cụm xử lý.

1.1.2. Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 0,8m x 0,8m x 0,5m) → Ống PVC D315 → Bể lắng bùn → Cụm xử lý nước cấp (tái sử dụng).

1.1.3. Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ

Nước thải từ quá trình vệ sinh bể chứa, nước từ quá trình súc, rửa sẽ được dẫn về cụm xử lý nước rửa lọc của trạm để tuần hoàn, tái sử dụng (định kỳ 04 lần/năm).

1.1.4. Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 0,8m x 0,8m x 0,5m) → Ống PVC D114 → bể lắng bùn → Hồ chứa nước thô → Cụm xử lý nước cấp (tái sử dụng).

1.1.5. Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 0,8m x 0,8m x 0,5m) → Ống PVC D114 → Bể lắng bùn → Cụm xử lý nước cấp (tái sử dụng).

1.1.6. Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 0,8m x 0,8m x 0,5m) → Ống PVC D90 → Cụm xử lý.

1.1.7. Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 0,8m x 0,8m x 1m) → Ống HDPE 315 → Cụm xử lý.

1.1.8. Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 0,8m x 0,8m x 0,5m) → Ống PVC D315 → Cụm xử lý.

1.1.9. Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Rãnh thu nước (KT: 0,5m x 0,5m) → Hố ga (KT: 0,8m x 0,8m x 0,5m) → Ống PVC D90 → Cụm xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,4m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Bể lắng bùn → Hồ chứa nước thô → Tuần hoàn tái sử dụng.

1.2.2. Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,4m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Bể lắng bùn → Tuần hoàn tái sử dụng.

1.2.3. Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ

Nước thải từ quá trình vệ sinh bể chứa, nước từ quá trình súc, rửa sẽ được dẫn về cụm xử lý nước rửa lọc của trạm để tuần hoàn, tái sử dụng (định kỳ 04 lần/năm).

1.2.4. Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,4m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Bể lắng bùn → Hồ chứa nước thô → Tuần hoàn tái sử dụng.

1.2.5. Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,4m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Bể lắng bùn → Tuần hoàn tái sử dụng.

1.2.6. Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,04m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Cụm xử lý (bể lắng bùn + bồn lọc) → Hố thu mẫu → Nguồn tiếp nhận.

1.2.7. Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,4m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Cụm xử lý (bể lắng bùn + bồn lọc) → Hố thu mẫu → Nguồn tiếp nhận.

1.2.8. Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,04m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Cụm xử lý (bể lắng bùn + bồn lọc) → Hố thu mẫu → Nguồn tiếp nhận.

1.2.9. Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao

- Bể tự hoại: 01 bể (thể tích 5,04m^3 đặt dưới nhà vệ sinh).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất (rửa lọc, súc rửa bồn bể) → Hố ga → Cụm xử lý (bể lắng bùn + bồn lọc) → Hố thu mẫu → Nguồn tiếp nhận.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tạm dừng công trình xử lý chất thải để khắc phục sự cố.

- Thực hiện các thao tác xử lý tạm thời, cần thiết để giảm ô nhiễm.

- Khi gặp sự cố dài hạn, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình vận hành của công trình và ảnh hưởng đến kết quả chất lượng nước thải đầu ra phải dừng hoạt động của công đoạn phát sinh nước thải và khắc phục sự cố cho đến khi hoàn thành thì tiếp tục vận hành công trình.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A phụ lục này khi xả ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-SNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Tên công trình	Nguồn phát sinh	Tọa độ (*theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0*)
1	Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương	Từ hoạt động vận hành máy móc, thiết bị khu vực cụm xử lý nước cấp	X = 1145623; Y = 520039
2	Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương		X = 1125932; Y = 503365
3	Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành		X = 1152918; Y = 514431
4	Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải		X = 1101909; Y = 537679
5	Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên		X = 1091268; Y = 562898
6	Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh		X = 1055649; Y = 557438
7	Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận		X = 1054215; Y = 585565.
8	Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao		X = 1072382; Y = 588181

Đối với Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Ngày (06h00 đến trước 18h00 (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	-	Khu vực E

2.2 Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy bơm, motor khuấy và thực hiện bảo trì - thay thế các thiết bị cũ kém chất lượng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Sử dụng đệm cao su hoặc vật liệu giảm chấn dưới chân máy nhằm hạn chế rung lắc và ma sát trong quá trình vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-SNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại	Mã	Trạng thái
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 01	

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên công trình	Khối lượng (kg/năm)
1	Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương	25
2	Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương	10
3	Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành	25
4	Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải	10
5	Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên	50
6	Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh	25
7	Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận	25
8	Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao	25

Đối với Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ không phát sinh chất thải nguy hại.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Đối với vật liệu lọc (cát, sỏi) đã qua sử dụng:

+ Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương: Khối lượng phát sinh 25.375 kg/lần thay.

+ Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương: Khối lượng phát sinh 10.573 kg/lần thay.

+ Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành: Khối lượng phát sinh 25.375 kg/lần thay.

+ Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải: Khối lượng phát sinh 10.573 kg/lần thay.

+ Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên: Khối lượng phát sinh 50.750 kg/lần thay.

+ Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh: Khối lượng phát sinh 25.375 kg/lần thay.

+ Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận: Khối lượng phát sinh 25.375 kg/lần thay.

+ Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao: Khối lượng phát sinh 25.375 kg/lần thay.

Đối với Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Bùn từ bể tự hoại: Khối lượng phát sinh 0,064 m^3/năm/trạm.

- Bùn hố ga: Khối lượng phát sinh 250 - 350 kg/năm/trạm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 48 kg/tháng/trạm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Không có.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trong kho hóa chất.

- Các thiết bị lưu chứa CTNH đảm bảo các yêu cầu tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa CTNH đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 của Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với vật liệu lọc (cát, sỏi) đã qua sử dụng: Định kỳ 01 lần/năm tiến hành thay mới lớp vật liệu lọc theo quy trình vận hành trạm cấp nước. Vật liệu lọc sau thay được thu gom hoàn toàn vào các bao chứa, lưu trữ vào vị trí riêng biệt tại trong khuôn viên trạm và đăng ký gửi về Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang tìm kiếm đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Bùn từ bể tự hoại: Thực hiện ổn định bùn bằng men vi sinh định kỳ 1 lần/năm nhằm giảm thể tích bùn và hạn chế mùi.

- Bùn hố ga: Vệ sinh, nạo vét định kỳ 01 lần/tháng nhằm đảm bảo thông thoát nước và tránh tích tụ bùn đất gây tắc nghẽn. Thường xuyên thực hiện vệ sinh mặt sân khu vực lưu chứa chất thải rắn, kho chứa hóa chất đảm bảo hạn chế tối đa hiện tượng nước mưa chảy tràn cuốn trôi chất bẩn vào hố ga gây ô nhiễm.

- Bùn cặn từ bể lắng cụm xử lý nước cấp, hồ/bể lắng bùn cụm xử lý nước thải: Định kỳ vệ sinh, nạo vét bùn 6 tháng/lần. Trong quá trình vận hành, cán bộ trực trạm thường xuyên vệ sinh mặt bằng, sân nền, bố trí khu vực kho lưu chứa chất thải, hóa chất, thùng chứa chất thải đúng quy định, đảm bảo vệ sinh, chống thấm, có mái che, tránh tình trạng nước mưa chảy tràn cuốn trôi bùn đất và chất ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên công trình	Biện pháp
1	Xây dựng mới CTCNTT xã Kiên Bình huyện Kiên Lương	- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của địa phương. - Bố trí 03 thùng rác loại 60L tại khu vực trước nhà điều hành và dán nhãn phân loại theo quy định (Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải hữu cơ dễ phân hủy; Chất thải rắn sinh hoạt khác). - Khu vực trạm chưa có tuyến thu gom rác, do đó tại trạm sẽ thực hiện phương án như sau: + Chất thải hữu cơ dễ phân hủy: thu gom, lưu chứa trong thùng chứa và tận dụng cho các hộ dân chăn nuôi trong khu vực hoặc ủ phân bón phân cho cây khi có nhu cầu. + Chất thải rắn khả năng tái sử dụng, tái chế: thu gom, lưu chứa trong bao và bàn giao cho các đơn vị thu mua trong địa bàn. + Chất thải rắn sinh hoạt khác: Xây hố chôn lấp (KT: 1m x 1m x 1m), nền bê tông, xây gạch, có mái che.
2	Xây dựng mới CTCNTT xã Sơn Hải huyện Kiên Lương	
3	Xây dựng mới CTCNTT xã Phú Mỹ huyện Giang Thành	
4	Xây dựng mới CTCNTT xã Hòn Tre huyện Kiên Hải	
5	Xây dựng mới CTCNTT xã Phong Đông huyện Vĩnh Thuận	
6	Xây dựng mới CTCNTT liên xã Tây Yên, Tây Yên A huyện An Biên	- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của địa phương. - Bố trí 03 thùng rác loại 60L tại khu vực trước nhà điều hành và dán nhãn phân loại theo quy định (Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái
7	Xây dựng mới CTCNTT xã Đông Hưng B huyện An Minh	

TT	Tên công trình	Biện pháp
8	Xây dựng mới CTCNTT xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao	chế; Chất thải hữu cơ dễ phân hủy; Chất thải rắn sinh hoạt khác). - Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

Đối với Xây dựng công trình trữ nước xã Hòn Nghệ không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ống cấp nước hư hỏng trong quá trình vận hành: Trường hợp phát hiện các đoạn ống bị bể, nứt hoặc rò rỉ, trạm thực hiện khắc phục theo quy trình sau:

+ Ngừng cấp nước cục bộ bằng cách khóa van tuyến ống cấp nước để đảm bảo an toàn và hạn chế thất thoát.

+ Đào tuyến ống và kiểm tra, sửa chữa:

+ Đào mở tuyến ống để kiểm tra vị trí hư hỏng.

+ Sửa chữa bằng các phương pháp phù hợp như: hàn nhiệt các vết nứt, thay thế phần bị hỏng hoặc gia cố bằng vật liệu hỗ trợ (thanh thép, keo chuyên dụng) nhằm tăng độ bền. Sau khi hoàn tất sửa chữa, tuyến ống được thử áp lực, kiểm tra rò rỉ và mặt bằng được trả lại nguyên trạng trước khi hệ thống cấp nước vận hành trở lại bình thường.

+ Các đoạn ống hư hỏng sau khi được thay thế sẽ được thu gom và vận chuyển về trụ sở chính của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn An Giang để bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-SNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2971/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn"; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định của địa phương. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.